

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 09/7/2018  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Lê Quan Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt
2. Ông Nguyễn Văn Lực

**- Thư ký phiên toà:** Ông Bùi Lê Phú Quý là thư ký Toà án nhân dân huyện V.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Huy là Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2018/TLST- HNGĐ ngày 29/5/2018, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/6/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Minh N, sinh năm: 1994; (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 12 ấp P, TT.C, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Lê Đức M, sinh năm: 1990; (Có mặt)

Địa chỉ: Số 313 khóm B, TT.V, V, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 16/5/2018 và trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa chị Phạm Thị Minh N trình bày:**

Chị N và anh M do được mai mối nên tự nguyện cưới nhau vào năm 2011, không có đăng ký kết hôn, hôn nhân sống hạnh phúc đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm

sống, thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, dẫn đến vợ chồng ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Quá trình sống chung chị N và Minh có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Đan N1, sinh ngày 21/6/2013 và Nguyễn Ngọc Song N2, sinh ngày 31/5/2014, hiện hai con đang sống với anh M. Nay chị Phạm Thị Minh N yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Lê Đức M, về con chung chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Song N2, sinh ngày 31/5/2014, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con, đồng ý giao con chung tên Nguyễn Ngọc Đan N1, sinh ngày 21/6/2013 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng chị N không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

**- Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa anh Nguyễn Lê Đức M trình bày:**

Anh M và chị N do được mai mối, sau khi tìm hiểu được một thời gian thì tự nguyện cưới nhau vào năm 2011, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, dẫn đến vợ chồng ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Quá trình sống chung anh M và chị N có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Đan N1, sinh ngày 21/6/2013 và Nguyễn Ngọc Song N2, sinh ngày 31/5/2014, hiện đang sống với anh M. Nay anh M đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N. Về con chung anh M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con tên Nguyễn Ngọc Đan N1, sinh ngày 21/6/2013, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, đồng ý giao con chung tên Nguyễn Ngọc Song N2, sinh ngày 31/5/2014 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh M không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung anh M không yêu cầu giải quyết.

**- Ý kiến của Kiểm sát viên:**

+ Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14, 15, 81, 82, 83, 107 Luật hôn nhân gia đình.

1. Quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Phạm Thị Minh N với anh Nguyễn Lê Đức M là quan hệ vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự tự nguyện giữa chị Phạm Thị Minh N và anh Nguyễn Lê Đức M như sau: Giao con chung Nguyễn Ngọc Song N2, sinh ngày 31/5/2014 cho chị Phạm Thị Minh N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh M cấp dưỡng; Giao con chung Nguyễn Ngọc Đan N1, sinh ngày

21/6/2013 cho anh Nguyễn Lê Đức M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Việc chị Phạm Thị Minh N xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Lê Đức M là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị N và anh M thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh M có địa chỉ cư trú: Số 313, Khóm B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp thụ lý và giải quyết vụ án dân sự trên là đúng quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân;

Xét thấy chị Phạm Thị Minh N và anh Nguyễn Lê Đức M tự nguyện sống với nhau như vợ chồng, anh chị đã đủ các điều kiện kết hôn theo luật định nhưng anh chị không tiến hành đăng ký và thực hiện theo nghi thức kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh M, anh M đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

*“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

*Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*

Từ điều luật dẫn giải trên xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị N và sự đồng ý ly hôn của anh M là không phù hợp nên không được chấp nhận.

Do đó đường lối xét xử là không công nhận chị Phạm Thị Minh N với anh Nguyễn Lê Đức M là quan hệ vợ chồng mới phù hợp khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa chị N và anh M xác định chị N, anh M có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Đan N1, sinh ngày 21/6/2013 và Nguyễn Ngọc Song N2, sinh ngày 31/5/2014, hiện đang sống với anh M. Chị N và anh M đồng ý giao con tên Nguyễn Ngọc Đan N1, sinh ngày 21/6/2013 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, anh M không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, giao con chung tên Nguyễn Ngọc Song N2, sinh ngày 31/5/2014 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy sự tự nguyện của chị N và anh M về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và không yêu cầu cấp dưỡng là phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản: Chị N và anh M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị N và anh M không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14, 15, 81, 82, 83, 107 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Phạm Thị Minh N với anh Nguyễn Lê Đức M là quan hệ vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

Công nhận sự tự nguyện giữa chị Phạm Thị Minh N và anh Nguyễn Lê Đức M như sau:

2.1. Giao con chung Nguyễn Ngọc Song N2, sinh ngày 31/5/2014 cho chị Phạm Thị Minh N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh M cấp dưỡng.

2.2. Giao con chung Nguyễn Ngọc Đan N1, sinh ngày 21/6/2013 cho anh Nguyễn Lê Đức M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

2.3. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản: Chị N và anh M không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị N và anh M không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị Minh N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001584 ngày 29/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

6. Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Viện KSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Lê Quan Nam**